TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **32**/2017/HNGĐ - ST.
Ngày: 18/7/2017.
V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Minh Huấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân;

2. Ông Nguyễn Thái Duy.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trịnh Đoàn Hạnh Trang – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Bế Văn S,** sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Thôn 9 T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L** , sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn 9 T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn ông Bế Văn S trình bày: Ông Bế Văn S và bà Nguyễn Thị L xây dựng gia đình với nhau vào năm 1996, trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L vào năm 1996. Nhưng do lâu ngày nên giấy chứng nhận kết hôn đã mất nên ông không có để nộp cho Tòa án.

Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn đã rất nhiều năm nay

nhưng mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào năm 2014, nguyên nhân là do bà L nói quá nhiều nên hai bên không hiểu nhau, hay cãi nhau, đôi lúc tức giận ông có đánh bà L nên từ năm 2014 đến nay ông bà đã tự sống ly thân. Trong thời gian này chính quyền thôn, xã cũng đã hòa giải nhưng ông bà xác định không thể hàn gắn nên ông S yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông Bế Văn S và bà Nguyễn Thị L có ba con chung là Bế Thị H - sinh ngày 05/12/1999, Bế Thị B - sinh ngày 16/4/2002 và Bế Đức C – sinh ngày 28/12/2007. Khi ly hôn ông S yêu cầu được nuôi con là Bế Thị H và Bế Thị B, để con là Bế Đức C cho bà L nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của ông bà đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên ông không có yêu cầu gì. Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Việc ông Bế Văn S và bà Nguyễn Thị L xây dựng gia đình với nhau như ông S trình bày là đúng.

Ông bà chung sống với nhau đến năm 2014 thì không sống với nhau nữa, nguyên nhân là do bà nói nhiều và hay đùa còn ông S khó tính, khắt khe nên vợ chồng không thông cảm và không hiểu nhau nên hay cãi nhau, nhiều lúc ông cọc tính có đánh đập bà. Nay ông S yêu cầu ly hôn thì thật tâm bà muốn vợ chồng hàn gắn lo cho con nhưng ông S cương quyết thì bà đồng ý vì ông bà cũng đã ly thân được 03 năm nay.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung thì bà L đồng ý theo ý kiến của ông S, bà không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bế Văn S, tuyên bố không công nhận ông S và bà L là vợ chồng, về con chung giải quyết theo quy định của pháp luật, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra để xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và quan hệ hôn nhân: Ông Bế Văn S và bà Nguyễn Thị L khai ông bà xây dựng gia đình với nhau vào năm 1996, trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã T, huyện L vào năm 1996 nhưng do lâu ngày nên giấy chứng nhận kết hôn đã mất nên ông bà không có để nộp cho Tòa án. Vì vậy, khi thụ lý vụ án Tòa án đã xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn". Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh thực tế tại Ủy ban nhân dân xã T thì không chứng minh được ông S và bà L có đăng ký kết hôn như ông bà trình bày, ông bà cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, cần xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là "Không công nhận là vợ chồng" để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Bế Văn S giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L cũng khẳng định mâu thuẫn giữa ông bà đến nay đã trầm trọng kéo dài, ông bà không thể chung sống với nhau được nữa nên bà L thống nhất giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân giữa bà với ông S. Xét thấy, ông S và bà L mâu thuẫn đã nhiều năm và hai bên cũng đã tự sống ly thân được ba năm nay nhưng không cải thiện được quan hệ tình cảm. Hơn nữa, quan hệ hôn nhân của ông S, bà L được xác lập sau ngày 03/01/1987 nhưng không có đăng ký kết hôn nên cần căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận ông Bế Văn S và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng là phù hợp.

[2] Về con chung: Ông Bế Văn S và bà Nguyễn Thị L xác định có ba con chung là Bế Thị H - sinh ngày 05/12/1999, Bế Thị B - sinh ngày 16/4/2002 và Bế Đức C – sinh ngày 28/12/2007. Ông S và bà L thỏa thuận ông S có trách nhiệm nuôi con là Bế Thị H và Bế Thị B còn bà L có trách nhiệm nuôi con là Bế Đức C, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay các con ông S, bà L đã đã trên bảy tuổi, cháu Thanh và cháu Bình có nguyện vọng được ở với bố và cháu Chính có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ không chung sống với nhau. Đồng thời, từ khi bố mẹ sống ly thân thì cháu Thanh và cháu Bình do ông S nuôi dưỡng, cháu Chính do bà L nuôi dưỡng. Vì vậy, cần xem xét giao con là Bế Thị H và Bế Thị B cho ông S có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con và giao con là Bế Đức C cho bà L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Bế Văn S và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Bế Văn S và bà Nguyễn Thị L đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Bế Văn S và bà Nguyễn Thị L xác định không có nên

các bên không có yêu cầu giải quyết.Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc ông Bế Văn S phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận ông Bế Văn S và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao con chung là Bế Thị H - sinh ngày 05/12/1999 và Bế Thị B - sinh ngày 16/4/2002 cho ông Bế Văn S có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Giao con chung là Bế Đức C – sinh ngày 28/12/2007 cho bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông Bế Văn S phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Bế Văn S đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002905 ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, ông Bế Văn S đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Huấn